

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 562/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ 13A, khu vực 4, phường T, thành phố H, tỉnh T.

2. Chị Trần Ngọc Bảo T, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Tổ 13A, khu vực 4, phường T, thành phố H, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang T và chị Trần Ngọc Bảo T sau thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình chấp nhận, có tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục tập quán địa phương và chung sống với nhau tại tổ 13A, khu vực 4, phường T, thành phố H, tỉnh T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh T vào ngày 06/12/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2018. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Nay anh Nguyễn Quang T và chị Trần Ngọc Bảo T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên anh T và chị T cùng gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Quang T và chị Trần Ngọc Bảo T có 02 con

chung đăng ký khai sinh họ và tên Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 26/6/2014 và Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 29/7/2018. Anh T và chị T thỏa thuận giao cả hai cháu Nguyễn Quang Đ và Nguyễn Ngọc Linh Đ cho chị Trần Ngọc Bảo T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên thỏa thuận anh Nguyễn Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Nguyễn Quang Đ một tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu Nguyễn Quang Đ trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Quang T và chị Trần Ngọc Bảo T cùng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Quang T và chị Trần Ngọc Bảo T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh T và chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004380 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh T và chị T đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang T và chị Trần Ngọc Bảo T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cả hai cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 26/6/2014 và Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 29/7/2018 cho chị Trần Ngọc Bảo T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Quang Đ một tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu Nguyễn Quang Đ trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

-Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Quang T và chị Trần Ngọc Bảo T cùng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Quang T và chị Trần Ngọc Bảo T, mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh T và chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004380 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh T và chị T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CC THADS thành phố Huế;
- UBND phường T, thành phố H;
- (Anh T và chị T ĐKKH số 112, ngày 06/12/2013)
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung